

Số: 44 /2020/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 27 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Tây Ninh tại Tờ trình số 652/TTr-SNV ngày 25 tháng 9 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 11 năm 2020 và thay thế các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 35/2018/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2018 về ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2019 về sửa đổi, bổ sung Khoản 5 Điều 3 Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 35/2018/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, các Khối Thi đua, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập, các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 2007

- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng TĐ-KT TW;
- Ban TĐ-KT TW;
- Cục Kiểm tra VB QPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ pháp chế (Bộ Nội vụ);
- Vụ Thanh tra - Pháp chế (Ban TĐ-KT TW);
- Công TTĐT Chính phủ;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các Ban thuộc HĐND tỉnh;
- TT: Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- TT HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, Phòng Nội chính - Pháp chế;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT. 40

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Ngọc

QUY CHẾ

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh
(Ban hành kèm theo Quyết định số ..44./2020/QĐ-UBND
ngày ..27... tháng..10..năm 2020 của UBND tỉnh Tây Ninh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc thi đua, khen thưởng; tổ chức thi đua, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua; hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng; tổ chức Khối Thi đua trên địa bàn tỉnh; thẩm quyền quyết định, tuyển trình, trao tặng, hồ sơ thủ tục; thời gian xét danh hiệu thi đua và khen thưởng; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp, Hội đồng Đánh giá mức độ ảnh hưởng sáng kiến; quản lý Nhà nước về thi đua, khen thưởng.

2. Những nội dung về công tác thi đua, khen thưởng không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành của cấp có thẩm quyền.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người Việt Nam, các cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, hộ gia đình, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế hoạt động hợp pháp ở Việt Nam.

2. Các Khối Thi đua trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ, các chữ viết tắt

1. Giải thích từ ngữ

a) Đơn vị thành viên là đơn vị trong một Khối Thi đua hoặc cùng tham gia thực hiện một chuyên đề thi đua;

b) Cá nhân lao động trực tiếp là công nhân, nông dân, chiến sỹ trong lực lượng vũ trang; công chức, viên chức, nhân viên, người lao động không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý (không hưởng phụ cấp chức vụ) thuộc các sở, ban, ngành, cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, các đơn vị sự

ng nghiệp công lập, các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị thuộc tỉnh;

c) Hiệp y khen thưởng là hình thức lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan để có thêm căn cứ trước khi quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng;

d) Đơn vị trực thuộc là đơn vị có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng, trực tiếp chịu sự quản lý điều hành của Cơ quan cấp tỉnh, UBND cấp huyện, doanh nghiệp.

2. Các chữ viết tắt

a) Các sở, ban, ngành tỉnh, cơ quan Đảng cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh, tổ chức xã hội cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập, lực lượng vũ trang gọi tắt là: Cơ quan cấp tỉnh;

b) Giám đốc, Thủ trưởng sở, ban, ngành tỉnh, cơ quan Đảng cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh, tổ chức xã hội cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập, lực lượng vũ trang gọi tắt là: Thủ trưởng các Cơ quan cấp tỉnh;

c) Luật Thi đua, khen thưởng số 15/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng số 47/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng số 39/2013/QH13 ngày 16 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội gọi tắt là Luật Thi đua, khen thưởng sửa đổi, bổ sung;

d) Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng gọi tắt là Thông tư số 12/2019/TT-BNV.

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. Nguyên tắc xét danh hiệu thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 6 Luật Thi đua, khen thưởng sửa đổi, bổ sung và theo nguyên tắc sau

a) Không áp đặt chỉ tiêu thi đua, bảo đảm nguyên tắc tự nguyện tham gia thi đua của tập thể, cá nhân theo quy định;

b) Việc xét, tặng danh hiệu thi đua phải căn cứ vào nội dung đăng ký thi đua và tiêu chuẩn, thành tích đạt được gắn với minh chứng, sản phẩm cụ thể, thiết thực của tập thể, cá nhân;

2. Nguyên tắc khen thưởng thực hiện theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 6 Luật Thi đua, khen thưởng sửa đổi, bổ sung; Điều 3 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và theo các nguyên tắc sau

a) Không lấy một thành tích để làm hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền xét khen thưởng nhiều lần; với một thành tích, một đối tượng chỉ được một đơn vị đề nghị khen thưởng. Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân lao động trực tiếp, cá nhân có nhiều sáng kiến trong lao động, công tác, học tập, chiến đấu và phục vụ chiến đấu, gương "người tốt, việc tốt", cá nhân có hành động đẹp, có sức lan tỏa trong cộng đồng;

b) Khi đề nghị khen thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh về thành tích theo công trạng và thành tích đạt được đối với người đứng đầu các phòng, ban, đơn vị và tương đương thuộc Cơ quan cấp tỉnh, UBND cấp huyện và Lãnh đạo UBND cấp xã: Phải đạt tiêu chuẩn khen thưởng về cá nhân theo quy định và tập thể đó không có cá nhân vi phạm từ mức khiển trách trở lên;

c) Chuyên đề thi đua do cấp nào phát động thì cấp đó xét khen thưởng. Trường hợp tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc, phạm vi ảnh hưởng lớn đối với tỉnh thì trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét khen thưởng;

d) Chưa xét khen thưởng đối với tập thể đang thanh tra, kiểm tra và chưa xét khen thưởng đối với Thủ trưởng trực tiếp có cấp dưới thuộc đơn vị, địa phương mình sai phạm, đang trong quá trình xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ;

e) Đối với cấp phó người đứng đầu được ủy quyền phụ trách (điều hành) từ 6 tháng trở lên trong năm thực hiện nguyên tắc khen thưởng như người đứng đầu được quy định tại Điểm b Khoản này.

3. Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải phù hợp với đối tượng, chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân và thành tích đạt được, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn làm tiêu chí chính khen thưởng. Phải đảm bảo đầy đủ hồ sơ, điều kiện và tỷ lệ, báo cáo thành tích phải thực hiện theo mẫu đã quy định và bám sát tiêu chuẩn khen thưởng.

4. Khi xét công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương phải xem xét đến thành tích của tập thể do người đó phụ trách.

Đối với cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, khi kết thúc năm công tác, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ xét, công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng khi cá nhân này được Ban Thường vụ Tỉnh ủy xếp loại chất lượng từ mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

5. Đối với các đơn vị trực thuộc khi xét đề nghị công nhận danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" cho đơn vị thì sẽ không xét cho các phòng, đội, trạm, trại, hạt thuộc đơn vị đó và ngược lại (trừ các Trường Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp, các đơn vị thuộc ngành Y tế, các tổ chức kinh tế).

6. Tập thể đạt Giải tại các Hội diễn, Cuộc thi, Hội thi, Liên hoan cấp tỉnh, cấp khu vực chỉ khen thưởng cho tập thể, không khen thưởng cho từng cá nhân thuộc tập thể đó.

Riêng các cá nhân thuộc tập thể đạt Giải tại các Hội diễn, Cuộc thi, Hội thi, Liên hoan cấp Quốc gia, cấp Quốc tế; các cá nhân thuộc Đội Bóng đá Tây Ninh khi thăng hạng từ Giải Hạng nhất Quốc gia lên Giải chuyên nghiệp hoặc Vô địch Giải chuyên nghiệp thì được xem xét, khen thưởng; số lượng khen thưởng được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

7. Trong cùng 01 năm, đối với các cá nhân là lãnh đạo đơn vị tham gia các Ban Chỉ đạo, Hội đồng cấp tỉnh, được tặng không quá 02 Bằng khen thành tích trong thực hiện Chuyên đề do các Ban Chỉ đạo, Hội đồng phụ trách (tính theo thời gian ban hành Quyết định khen thưởng).

8. Khen thưởng đối với cá nhân mà Luật Thi đua, khen thưởng sửa đổi, bổ sung quy định “hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” là căn cứ kết quả xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 và Luật Viên chức năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; đối với các cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thì căn cứ vào kết quả xếp loại chất lượng của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; đối với cá nhân không thuộc đối tượng áp dụng Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thống nhất xem xét, đánh giá, xếp loại chất lượng bằng văn bản.

Đối với tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ là tập thể được Thủ trưởng đơn vị hoặc người có thẩm quyền được giao phụ trách đơn vị đó đánh giá “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”, “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” bằng văn bản.

9. Khi công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng thành tích theo công trạng và thành tích đạt được đối với tập thể có tổ chức Đảng, đoàn thể thì tổ chức Đảng, đoàn thể phải được đánh giá “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” (kể cả tổ chức Đảng, đoàn thể sinh hoạt ghép).

10. Quy định về việc làm tròn khi tính tỉ lệ công nhận danh hiệu thi đua: số lượng công nhận danh hiệu thi đua là số tự nhiên, do đó khi tính tỉ lệ đề nghị, nếu chữ số sau số đơn vị bằng 05 trở lên thì được tăng thêm 01 đơn vị, nhỏ hơn thì không tính. Riêng đối với các đơn vị nếu số lượng tập thể hoặc cá nhân tính theo tỉ lệ được quy định tại Khoản 1 Điều 13 và Khoản 1 Điều 16 của Quy chế này không đủ để làm tròn thành 01 thì được đề nghị khen thưởng 01 tập thể hoặc 01 cá nhân.

Điều 5. Các trường hợp không công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng

1. Tập thể, cá nhân và người đứng đầu cơ quan, đơn vị của chủ đầu tư, ban quản lý dự án vi phạm việc báo cáo quyết toán dự án hoàn thành theo quy định của cơ quan chức năng, trừ trường hợp có ý kiến của UBND tỉnh.

2. Tập thể, người đứng đầu và cá nhân là người được giao trách nhiệm phụ trách về công nghệ thông tin, tham mưu xây dựng chính quyền điện tử khi điểm số điều kiện sẵn sàng hoặc kết quả Chính quyền điện tử đạt từ mức III trở xuống.

3. Tập thể, người đứng đầu và cá nhân phụ trách công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính khi chỉ số cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính của đơn vị, địa phương đạt từ mức khá trở xuống.

4. Tập thể, cá nhân tham gia các Hội thi, Hội diễn, Liên hoan đạt giải đã được ngành cấp trên tặng Bằng khen.

5. Các cá nhân có tác phẩm, công trình nghiên cứu, đề tài, giải pháp (sau đây gọi chung là giải pháp) đạt giải và đã được Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng, nếu sau đó các giải pháp tiếp tục được đưa đi tham dự các Hội thi Cấp Quốc gia, khu vực và đạt giải thì Chủ tịch UBND tỉnh sẽ không xem xét khen thưởng.

6. Tập thể và người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện việc triển khai, vận hành và sử dụng hệ thống phần mềm thông tin kinh tế - xã hội bị cơ quan chuyên môn đánh giá từ mức trung bình trở xuống.

7. Tập thể và người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương có kết quả đánh giá công tác Dân vận Chính quyền từ mức hoàn thành trở xuống.

8. Không xét khen thưởng đột xuất cho những tập thể, cá nhân thực hiện công việc được đảm nhận theo nhiệm vụ công tác hoặc theo chương trình, kế hoạch đã định trước.

9. Cơ quan, đơn vị, địa phương và người đứng đầu không hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách, trừ trường hợp ngoại lệ có lý do khách quan do Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định.

10. Tập thể, người đứng đầu và cá nhân là người được giao trách nhiệm phụ trách việc công khai ngân sách trên Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị khi có từ 02 văn bản nhắc nhở trở lên của Sở Tài chính.

11. Trong năm, cùng một nội dung công tác mà đề Tỉnh ủy, UBND tỉnh có văn bản nhắc nhở đến lần thứ 3 thì không xét thi đua, khen thưởng cho tập thể và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương.

12. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương để cá nhân trực tiếp quản lý vi phạm kỷ cương, kỷ luật hành chính, thời gian làm việc trong đơn vị, địa phương bị xử lý kỷ luật hoặc có từ 03 cá nhân trở lên thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp quản lý vi phạm kỷ cương, kỷ luật hành chính, thời gian làm việc bị lập biên bản, đề nghị xử lý.

13. Tập thể, người đứng đầu và cá nhân là người được giao phụ trách thực hiện công tác báo cáo về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng định kỳ theo Thông tư số 03/2013/TT-TTCP ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra,

giải quyết khiếu nại, tố cáo khi đơn vị, địa phương không gửi báo cáo 02 kỳ hoặc trễ 04 kỳ báo cáo theo quy định.

14. Tập thể, người đứng đầu, cá nhân phụ trách việc thực hiện kết luận thanh tra Nhà nước, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước mà chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa xong kết luận, kiến nghị (nếu không có lý do chính đáng).

15. Tập thể, người đứng đầu và cá nhân phụ trách khi công tác giải ngân vốn đầu tư công đạt dưới 85% theo kế hoạch vốn được cấp có thẩm quyền giao (kể cả vốn giao bổ sung) trong năm.

16. Không xem xét, thẩm định đối với hồ sơ đề nghị khen thưởng quá thời hạn nộp hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp có lý do chính đáng, có văn bản giải trình của cấp trình khen thưởng); không khen thưởng các chuyên đề thi đua khi không đăng ký với UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ); không có văn bản chỉ đạo hoặc kế hoạch sơ, tổng kết của đơn vị chủ trì, phát động chuyên đề được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chuyên đề được phát động không xác định rõ chủ đề thi đua, mục đích, yêu cầu, nội dung, chỉ tiêu, thời gian thực hiện.

Điều 6. Lấy ý kiến quần chúng Nhân dân khi đề nghị công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước

1. Trước khi trình, xin ý kiến các Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh về việc đề nghị Chính phủ, Chủ tịch nước công nhận danh hiệu thi đua và tặng hình thức khen thưởng, Sở Nội vụ tiến hành lấy ý kiến công khai đến toàn thể Nhân dân đối với các trường hợp đề nghị công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của các tập thể, cá nhân trên các phương tiện thông tin truyền thông của tỉnh trong 05 ngày làm việc.

2. Khi có ý kiến phản ánh hoặc dư luận của quần chúng Nhân dân, Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành xác minh, kiểm tra thông tin, báo cáo, xin ý kiến các Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

3. Kết quả xác minh được thông báo, đăng tải công khai để quần chúng Nhân dân biết, giám sát.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Mục I. TỔ CHỨC THI ĐUA

Điều 7. Đăng ký thi đua

1. Các tập thể, cá nhân khi tham gia phong trào thi đua phải thực hiện đăng ký thi đua.

2. Hằng năm, các Khối Thi đua, các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức đăng ký thi đua hoặc ký kết giao ước thi đua trong Khối, trong cơ quan, đơn vị, địa phương. Nội dung đăng ký thi đua bao gồm:

a) Các chỉ tiêu thi đua;

b) Đăng ký các danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương; UBND tỉnh; Chủ tịch UBND tỉnh, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đăng ký Danh hiệu Cờ Thi đua của Chính phủ và gửi về Sở Nội vụ trước ngày 01 tháng 3; riêng Ngành Giáo dục và Đào tạo gửi trước ngày 15 tháng 10 hằng năm.

4. Đối với thi đua thường xuyên, trước ngày 01 tháng 3 hằng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương đăng ký với UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) các chỉ tiêu thi đua, các danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền công nhận của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; riêng Ngành Giáo dục và Đào tạo gửi trước ngày 15 tháng 10 hằng năm.

Điều 8. Tỷ lệ xét, công nhận danh hiệu thi đua

1. Quy định tỉ lệ xét, công nhận danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" như sau

a) Cơ quan, đơn vị, địa phương được bình chọn dẫn đầu Khối Thi đua do tỉnh tổ chức: Được đề nghị tặng thưởng Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" không quá 60% số lượng tập thể được công nhận Danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến";

b) Cơ quan, đơn vị, địa phương được bình chọn xếp hạng nhì, ba trong Khối Thi đua do tỉnh tổ chức: Được đề nghị tặng thưởng Danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc" không quá 40% số lượng tập thể được công nhận Danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến";

c) Các cơ quan, đơn vị, địa phương còn lại: Được đề nghị tặng thưởng Danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc" không quá 20% số lượng tập thể được công nhận Danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến";

d) Riêng Ngành Giáo dục và Đào tạo căn cứ vào thứ hạng của các Phòng Giáo dục và Đào tạo trong Khối Thi đua để đề nghị tỉ lệ công nhận Danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc" theo Điểm a, b, c Khoản 1 Điều này.

2. UBND tỉnh không quy định tỉ lệ công nhận các Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến", "Đơn vị tiên tiến", "Gia đình văn hóa", "Áp văn hóa", "Tổ Dân phố văn hóa", "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ tiên tiến". Các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp căn cứ thực tế phong trào thi đua, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các tập thể, cá nhân mà quyết định công nhận.

3. Tỉ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" không quá 15% tổng số cá nhân đạt Danh hiệu "Lao động tiên tiến" hoặc "Chiến sĩ tiên tiến"; đối với đơn vị có số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dưới 07 người thì được xét 01 Chiến sĩ thi đua cơ sở.

Điều 9. Hình thức, nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Hình thức tổ chức thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Nội dung tổ chức phong trào thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, Điều 5 Thông tư số 12/2019/TT-BNV.

Điều 10. Phương pháp tổ chức phong trào thi đua

1. Phong trào thi đua phải có chủ đề, khẩu hiệu, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền. Nội dung và chỉ tiêu thi đua phải bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị; phương pháp thi đua cụ thể thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của tập thể, cá nhân; phải đảm bảo tính khoa học, tính khả thi và đúng quy định pháp luật;

2. Tổ chức phát động phong trào thi đua, đăng ký hoặc ký kết giao ước thi đua trong từng cơ quan, đơn vị, địa phương, Khối Thi đua; triển khai các biện pháp tuyên truyền, vận động, chỉ đạo điểm, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát phong trào thi đua. Nâng cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu trong việc phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền và nhân rộng điển hình tiên tiến. Việc phát hiện điển hình tiên tiến là nhiệm vụ trọng tâm trong tổ chức các phong trào thi đua.

Căn cứ vào đặc điểm, tính chất công tác, lao động, nghề nghiệp, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua để có hình thức tổ chức phát động thi đua, coi trọng việc tuyên truyền về nội dung và ý nghĩa của đợt thi đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của quần chúng, đa dạng hóa các hình thức phát động phong trào thi đua; chống mọi biểu hiện phô trương, hình thức trong thi đua.

3. Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả phong trào thi đua, rút kinh nghiệm và phổ biến kinh nghiệm, những nhân tố mới, mô hình mới đã xuất hiện trong phong trào thi đua; xét chọn, biểu dương, khen thưởng những cá nhân, tập thể tiêu biểu, xuất sắc.

Đối với việc sơ kết, tổng kết phong trào thi đua theo đợt, theo chuyên đề do UBND tỉnh phát động thì các đơn vị, địa phương căn cứ hướng dẫn khen thưởng lựa chọn những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen.

Điều 11. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua

1. Chủ tịch UBND tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức, phát động phong trào thi đua trên địa bàn tỉnh.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh và Sở Nội vụ có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức phát động và chỉ đạo phong trào thi đua trên địa bàn tỉnh.

2. Thủ trưởng các Cơ quan cấp tỉnh, Lãnh đạo các tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm phát động, chỉ đạo tổ chức, triển khai phong trào thi đua trong phạm vi quản

lý; chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu để khen thưởng và đề nghị khen thưởng; tuyên truyền, biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến; có kế hoạch, giải pháp để các tập thể, cá nhân được nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, cấp tỉnh được trao đổi, giao lưu, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng những sáng kiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả.

3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức Thành viên của Mặt trận Tổ quốc các cấp có trách nhiệm

a) Tổ chức và phối hợp với các các Cấp ủy Đảng, Cơ quan Đảng, Nhà nước để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng điển hình tiên tiến trên địa bàn tỉnh;

b) Phối hợp, thống nhất hành động giữa các tổ chức Thành viên tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, đội viên và quần chúng Nhân dân tích cực tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đời sống văn hóa, bảo vệ an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội;

c) Giám sát việc thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các biện pháp để thực hiện hiệu quả các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

4. Báo Tây Ninh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tây Ninh, Công Thông tin Điện tử tỉnh Tây Ninh, Công Thông tin Điện tử Tỉnh ủy và Công Thông tin Điện tử, cơ quan truyền thông của các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng, về các phong trào thi đua yêu nước; phát hiện, phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt, cổ động các phong trào thi đua; đấu tranh, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

MỤC II. TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 12. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu thi đua đối với tập thể

1. Danh hiệu Cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua” của UBND tỉnh

a) Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng thực hiện theo quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng sửa đổi, bổ sung, Điều 12 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và Điều 8 Thông tư số 12/2019/TT-BNV;

b) Cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua” của UBND tỉnh được tặng cho tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc, dẫn đầu trong thực hiện Phong trào thi đua “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, Phong trào thi đua “Công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân”, Phong trào thi đua “Thực hiện công tác Dân vận” và Phong trào thi đua “Tây Ninh chung sức xây dựng nông thôn mới”;

c) Tiêu chuẩn xét, tặng Cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua” thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

a) Đối tượng xét tặng

Đối với các đơn vị sản xuất, kinh doanh gồm: doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân (trừ các thành viên thuộc Tập đoàn Kinh tế, Tổng Công ty) và các đơn vị trực thuộc như chi nhánh, văn phòng đại diện, xí nghiệp, phòng, ban, phân xưởng, tổ, đội và tương đương;

Đối với cấp tỉnh gồm: văn phòng, phòng, ban, chi cục, trung tâm và tương đương thuộc các Cơ quan cấp tỉnh;

Đối với các đơn vị trực thuộc các Cơ quan cấp tỉnh gồm: phòng, đội, trạm, trại, hạt;

Đối với cấp huyện gồm: phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện, UBND cấp xã;

Đối với đơn vị sự nghiệp gồm: trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng, trung tâm;

b) Tiêu chuẩn xét tặng: Thực hiện theo quy định tại Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng sửa đổi, bổ sung.

3. Danh hiệu “Đơn vị Quyết thắng” xét tặng hằng năm cho các tập thể theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

4. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”: Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng thực hiện theo quy định tại Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng sửa đổi, bổ sung.

5. Danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” xét tặng hằng năm cho các tập thể theo quy định tại Khoản 2 Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

6. Danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Tổ Dân phố văn hóa” và tương đương được xét tặng hằng năm cho các đối tượng đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 29, Điều 30 Luật Thi đua, khen thưởng sửa đổi, bổ sung.

Điều 13. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu thi đua đối với cá nhân

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”: đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng thực hiện theo quy định tại Điều 22 Luật Thi đua, khen thưởng sửa đổi, bổ sung và Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”: đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng thực hiện theo Điều 23 Luật Thi đua, khen thưởng sửa đổi, bổ sung và Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

3. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”: đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng thực hiện theo quy định tại Khoản 1, 3 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng sửa đổi, bổ sung và Điều 10 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

4. Danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” xét tặng hằng năm cho các cá nhân theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 14. Giấy khen

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 75 Luật Thi đua, khen thưởng sửa đổi, bổ sung.

2. Việc tặng thưởng Giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời ngay sau khi kết thúc đợt thi đua ngắn ngày, thi đua theo chuyên đề hoặc hoàn thành một công trình. Số lượng khen thưởng do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp quản lý trực tiếp xem xét, quyết định.

3. Thủ trưởng các Cơ quan cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã căn cứ vào tình hình thực tế quyết định mức đóng góp của tập thể, hộ gia đình, cá nhân để khen thưởng.

Điều 15. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được thực hiện theo Điểm c Khoản 1 và Điểm c Khoản 2 Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Khen thưởng đột xuất, theo chuyên đề (theo đợt)

Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho tập thể, hộ gia đình, cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau

a) Tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc tiêu biểu, đột xuất hoặc có đóng góp quan trọng cho sự nghiệp xây dựng và phát triển của tỉnh; gương người tốt việc tốt, học sinh đạt Giải thưởng Lê Quý Đôn, cá nhân đạt Giải thưởng Văn học - Nghệ thuật Xuân Hồng, học sinh đỗ thủ khoa vào các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp;

b) Tập thể và cá nhân ở các địa phương ngoài tỉnh, công dân Việt Nam làm việc, học tập, định cư ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài, các tổ chức quốc tế hoạt động hợp pháp có đóng góp đáng kể trong sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Tây Ninh;

c) Tập thể xếp hạng nhì, ba trong Khối Thi đua do UBND tỉnh tổ chức; các Khối Thi đua do UBND tỉnh củng cố, kiện toàn nhưng giao cho Cơ quan cấp tỉnh, UBND cấp huyện theo dõi, hướng dẫn (trừ Khối Thi đua Ngành Giáo dục và Đào tạo);

d) Tập thể, hộ gia đình hoặc cá nhân đã có thành tích đóng góp, hỗ trợ, làm công tác an sinh xã hội, từ thiện, xây dựng nông thôn mới, thực công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và hiện vật lưu niệm kèm theo;

đ) Tập thể hoặc cá nhân đã có thành tích vận động đóng góp, hỗ trợ, làm công tác an sinh xã hội, từ thiện, xây dựng nông thôn mới, thực hiện công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh có trị giá từ 500 triệu đồng trở lên được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và hiện vật lưu niệm kèm theo;

e) Các xã, phường, thị trấn lần đầu đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn văn hóa;

g) Tập thể, cá nhân đạt giải tại các Hội thi, Hội diễn, Liên hoan

Cấp quốc tế: Đạt một trong các giải: nhất, nhì, ba, khuyến khích hoặc Huy chương vàng, bạc, đồng;

Cấp quốc gia, khu vực: Đạt một trong các giải: nhất, nhì, ba hoặc Huy chương vàng, bạc, đồng hoặc giải A, B, C;

Cấp tỉnh: Đạt giải nhất, nhì hoặc Huy chương vàng, bạc hoặc giải A, B;

h) Các xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em 05 năm liên tục;

i) Doanh nghiệp có sản phẩm được công nhận là sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh; doanh nghiệp đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia; doanh nghiệp được công nhận là "Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín"; doanh nghiệp đạt Giải thưởng "Sao Đỏ";

k) Cá nhân là cán bộ giữ chức vụ quản lý có hệ số phụ cấp từ 0,6 trở lên và 03 năm liên tục trước khi nghỉ hưu hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

Đối với các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang tỉnh, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho cá nhân giữ các chức vụ: Giám đốc, Phó Giám đốc Công an tỉnh; Chính ủy, Phó Chính ủy, Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh có 03 năm liên tục trước khi nghỉ hưu hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

Đối các đơn vị kinh tế của tỉnh, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho cá nhân là Lãnh đạo đơn vị có 03 năm liên tục trước khi nghỉ hưu hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

l) Cá nhân đã tố cáo, tích cực cộng tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi vi phạm pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng hoặc bị thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến dưới 31% do tố cáo, ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật;

m) Đối với sự kiện kỷ niệm ngày truyền thống, ngày thành lập đơn vị từ 20 năm trở lên vào các năm tròn, chỉ xét khen thưởng đối với cá nhân là những người

có thành tích đặc biệt xuất sắc, đóng góp, công tác tại đơn vị từ 10 năm trở lên và không bị kỷ luật dưới mọi hình thức; số lượng khen thưởng không vượt quá 10% tổng số người lao động thuộc đơn vị, đối với đơn vị có dưới 10 lao động thì được đề nghị khen thưởng 01 cá nhân;

n) Đối với sự kiện Đại hội nhiệm kỳ mới của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, các hội quần chúng cấp tỉnh, chỉ khen thưởng cho những cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, tham gia trọn nhiệm kỳ trước và thôi không tham gia nhiệm vụ trong nhiệm kỳ tới, không vi phạm và bị kỷ luật dưới mọi hình thức.

Điều 16. Tỷ lệ tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Tỷ lệ xét đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh đối với khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được như sau

a) Cơ quan, đơn vị, địa phương được bình chọn dẫn đầu Khối Thi đua do tỉnh tổ chức: được xét đề nghị không quá 30% tổng số tập thể thuộc đơn vị, 15% tổng số người lao động của đơn vị được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

b) Cơ quan, đơn vị, địa phương được bình chọn xếp hạng nhì, ba trong Khối Thi đua do tỉnh tổ chức: được xét đề nghị không quá 20% tổng số tập thể thuộc đơn vị, 10% tổng số người lao động của đơn vị được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

c) Các cơ quan, đơn vị, địa phương còn lại: được xét đề nghị không quá 10% tổng số tập thể thuộc đơn vị, 05% tổng số người lao động của đơn vị được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

d) Riêng Ngành Giáo dục và Đào tạo, căn cứ vào thứ hạng đạt được của Phòng Giáo dục và Đào tạo trong Khối Thi đua để đề nghị khen thưởng theo tỉ lệ được quy định tại các Điểm a, b, c Khoản 1 Điều này.

2. Xét, đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh đối với khen thưởng đột xuất, theo chuyên đề (theo đợt) như sau

a) Căn cứ vào tiêu chuẩn, số lượng được quy định cụ thể trong các hướng dẫn liên ngành giữa Sở Nội vụ với Thường trực các Ban Chỉ đạo, Hội đồng, đơn vị để đề nghị khen thưởng;

b) Đối với khen thưởng thành tích hoạt động nhiệm kỳ phải có chủ trương đồng ý khen thưởng của Tỉnh ủy hoặc UBND tỉnh. Đối với khen thưởng theo chuyên đề thi đua, các cuộc vận động của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội cấp tỉnh phải có chủ trương đồng ý khen thưởng của Ban Dân vận Tỉnh ủy.

Điều 17. Các hình thức biểu dương, khen thưởng khác

TÂY N

1. Ngoài các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được quy định trong Quy chế này, các cơ quan, đơn vị, địa phương có thể có các hình thức biểu dương, động viên khác nhưng không trái với Luật Thi đua, khen thưởng sửa đổi, bổ sung.

2. Việc tổ chức Hội thi, Hội diễn, Liên hoan có liên quan đến khen thưởng và trao Giải thưởng phải được đăng ký với Cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng cùng cấp.

Đối với cấp tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi văn bản đăng ký tổ chức Hội thi, Hội diễn, Liên hoan có liên quan đến khen thưởng, trao giải thưởng (kể cả các Hội thi, Liên hoan, Hội diễn do cấp bộ, ban, ngành Trung ương giao đăng cai) về Sở Nội vụ phải gửi kèm theo văn bản đồng ý chủ trương của Tỉnh ủy, UBND tỉnh cho cơ quan, đơn vị, địa phương về việc tổ chức Hội thi, Hội diễn, Liên hoan.

3. Các Cơ quan cấp tỉnh khi tổ chức bình xét, đề nghị bộ, ban, ngành, tổ chức hội, đoàn thể Trung ương công nhận, phong tặng các danh hiệu, giải thưởng phải phối hợp với Sở Nội vụ để thẩm định hồ sơ, thành tích. Khi có kết quả công nhận, phong tặng của bộ, ban, ngành, tổ chức hội, đoàn thể Trung ương, cung cấp cho Sở Nội vụ để theo dõi, tổng hợp.

Chương IV

TỔ CHỨC KHỐI THI ĐUA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Điều 18. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Khối Thi đua

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập, điều chỉnh, củng cố, kiện toàn Khối Thi đua trên địa bàn tỉnh.

2. Việc tổ chức và chỉ đạo hoạt động Khối Thi đua các đơn vị thuộc và trực thuộc tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện theo hướng dẫn của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương. Căn cứ tình hình thực tế của tỉnh và đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, UBND tỉnh tổ chức chia Khối Thi đua bảo đảm phù hợp và hoạt động có hiệu quả, định hướng phân chia Khối Thi đua thuộc các Cơ quan cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

3. Việc tổ chức, chỉ đạo hoạt động Khối Thi đua thuộc Cơ quan cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, doanh nghiệp căn cứ tình hình thực tế tại cơ quan, đơn vị và đặc điểm tình hình, chức năng, nhiệm vụ để tổ chức chia Khối Thi đua, bảo đảm phù hợp và hoạt động có hiệu quả.

Điều 19. Hoạt động của Khối Thi đua

Hàng năm, các Khối Thi đua có trách nhiệm bầu Khối trưởng, Khối phó Khối Thi đua.

1. Khối trưởng chịu trách nhiệm về hoạt động của khối

a) Xây dựng quy chế hoạt động nhằm đẩy mạnh phong trào thi đua của khối;

b) Xây dựng các tiêu chí thi đua, thang điểm phù hợp với đặc điểm, tính chất hoạt động của khối;

c) Tổ chức ký kết giao ước thi đua, phát động phong trào thi đua chuyên đề trong nội bộ khối, tổ chức công tác phối hợp nhằm phát huy thế mạnh của mỗi đơn vị trong khối;

d) Chủ trì Hội nghị bình chọn, suy tôn đơn vị dẫn đầu khối và đề nghị khen thưởng;

đ) Tổ chức Hội nghị Sơ kết 6 tháng của Khối Thi đua;

e) Tổ chức Hội nghị Tổng kết năm và chuyển giao nhiệm vụ Khối trưởng, bầu Khối phó cho năm tiếp theo;

g) Tổ chức các hoạt động chung của khối như hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động về nguồn, từ thiện xã hội, giao lưu các điển hình tiên tiến, tham quan, học tập kinh nghiệm.

2. Khối phó có trách nhiệm giúp Khối trưởng điều hành các hoạt động chung, đôn đốc các đơn vị thực hiện tốt Quy chế hoạt động của Khối Thi đua.

3. Các đơn vị thành viên trong Khối Thi đua

a) Tham gia đầy đủ các hoạt động của khối: Xây dựng quy chế hoạt động; thống nhất nội dung, tiêu chí thi đua, thang điểm đánh giá; các Hội nghị Sơ kết, Tổng kết, bình xét thi đua cuối năm; các hoạt động chung của Khối Thi đua;

b) Căn cứ nhiệm vụ chính trị, chương trình công tác năm của tỉnh, của ngành, chỉ tiêu kế hoạch được giao và phương hướng nhiệm vụ công tác của đơn vị để xây dựng nội dung các tiêu chí thi đua, tổ chức phát động các phong trào thi đua, thực hiện công tác khen thưởng sát với tình hình thực tế của đơn vị;

c) Định kỳ báo cáo 6 tháng và báo cáo năm; tự chấm điểm thi đua theo các nội dung và tiêu chí đã ký kết và gửi báo cáo kết quả cho Khối trưởng theo đúng quy định; triển khai thực hiện các nội dung đã ký kết giao ước thi đua.

4. Danh sách đơn vị Khối trưởng, Khối phó và kết quả bình xét thi đua của Khối Thi đua gửi về Sở Nội vụ trước ngày 28 tháng 02 hằng năm (riêng Khối Thi đua ngành Giáo dục và Đào tạo trước ngày 20 tháng 7 hằng năm).

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh ban hành Thông báo công nhận Khối trưởng, Khối phó Khối Thi đua hằng năm.

5. Tỉnh không xét khen thưởng đối với các Khối Thi đua không xây dựng tiêu chí thi đua, bảng chấm điểm thi đua, không tổ chức các hoạt động chung theo hướng dẫn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

Điều 20. Đề nghị công nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng của các Khối Thi đua

1. Khối trưởng các Khối Thi đua do UBND tỉnh tổ chức được quyền đề nghị khen thưởng như sau

a) Đối với Khối Thi đua có 05 đơn vị: 01 Cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua” (hạng nhất) và 01 Bằng khen (hạng nhì);

b) Đối với Khối Thi đua có từ 06 đến 10 đơn vị: 01 Cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua” (hạng nhất) và 02 Bằng khen (hạng nhì, hạng ba);

c) Đối với Khối Thi đua có từ 11 đơn vị trở lên: 01 Cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua” (hạng nhất) và 03 Bằng khen (hạng nhì, hạng ba, hạng tư);

2. Các Khối Thi đua do UBND tỉnh cùng cố, kiện toàn nhưng giao cho Cơ quan cấp tỉnh, các tổ chức kinh tế theo dõi, hướng dẫn được quyền đề nghị khen thưởng như sau

a) Đối với Khối Thi đua có 03 đơn vị: 01 Bằng khen cho đơn vị xếp hạng nhất.

Riêng Khối Thi đua các phòng, ban thuộc UBND cấp huyện: Khi đơn vị thành viên có 02 năm liên tục dẫn đầu Khối Thi đua, được tặng Bằng khen của UBND tỉnh, năm thứ 03 tiếp tục dẫn đầu Khối Thi đua thì được đề nghị tặng Cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua” (Không đề nghị tặng Bằng khen);

b) Đối với Khối Thi đua 04 đơn vị, Khối Thi đua các Trường học, Trung tâm Giáo dục Thường xuyên do Sở Giáo dục và Đào tạo theo dõi hướng dẫn: 01 Cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua” (hạng nhất);

c) Đối với Khối Thi đua có từ 05 đến 08 đơn vị: 01 Cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua” (hạng nhất) và 01 Bằng khen (hạng nhì);

d) Đối với Khối Thi đua có từ 09 đến 12 đơn vị: 01 Cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua” (hạng nhất) và 02 Bằng khen (hạng nhì, hạng ba);

đ) Đối với Khối Thi đua có từ 13 đơn vị trở lên: 01 Cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua” (hạng nhất) và 03 Bằng khen (hạng nhì, hạng ba, hạng tư);

3. Đối với Phong trào thi đua “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, UBND tỉnh thành lập các Khối Thi đua, giao Công an tỉnh theo dõi, hướng dẫn và được quyền đề nghị khen thưởng như sau

a) Đối với Khối Thi đua Ban Bảo vệ dân phố: 01 Cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua” (hạng nhất) và 04 Bằng khen;

b) Đối với Khối Thi đua Đội Tuần tra nhân dân: 01 Cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua” (hạng nhất) và 09 Bằng khen;

c) Đối với Khối Thi đua Nhân dân và Cán bộ các phường, thị trấn: 01 Cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua” (hạng nhất) và 04 Bằng khen;

d) Đối với Khối Thi đua Nhân dân và Cán bộ các xã: 01 Cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua” (hạng nhất) và 09 Bằng khen;

4. Các Khối Thi đua do UBND tỉnh củng cố, kiện toàn nhưng giao cho UBND cấp huyện theo dõi, hướng dẫn, hằng năm đề nghị khen thưởng như sau

a) Đối với Khối Thi đua các xã, phường, thị trấn: UBND cấp huyện đề nghị UBND tỉnh tặng 01 Cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua” (hạng nhất) và 02 Bằng khen (hạng nhì, hạng ba). Riêng huyện Châu Thành, UBND huyện đề nghị khen thưởng 01 Cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua” (hạng nhất) và 01 Bằng khen (hạng nhì) cho mỗi Khối Thi đua;

b) Đối với Ngành Giáo dục và Đào tạo: Kết thúc năm học, UBND cấp huyện đề nghị tặng Cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua” cho các Trường dẫn đầu các Khối Thi đua của từng cấp học Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở.

5. UBND cấp huyện quyết định thành lập các Khối Thi đua đối với các đơn vị thuộc cấp huyện. Cuối năm, sau khi chấm điểm, xếp hạng các thành viên trong Khối Thi đua, UBND cấp huyện khen thưởng theo quy định.

6. Giao UBND cấp huyện chỉ đạo, hướng dẫn UBND cấp xã thành lập Khối Thi đua và khen thưởng theo thẩm quyền.

7. Giao Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh thành lập Khối Thi đua các Doanh nghiệp hoạt động trong các Khu công nghiệp, Khu chế xuất. Hằng năm tiến hành bình xét, đề nghị khen thưởng theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

Chương V

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TUYỂN TRÌNH, TRAO TẶNG, HỒ SƠ THỦ TỤC, THỜI GIAN XÉT DANH HIỆU THI ĐUA VÀ KHEN THƯỞNG

Điều 21. Thẩm quyền quyết định công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng

1. Thẩm quyền quyết định công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 79, Điều 80 Luật Thi đua, khen thưởng sửa đổi, bổ sung và Điều 43 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở các ấp, khu phố, nông dân do Chủ tịch UBND cấp xã xét tặng Danh hiệu “Lao động tiên tiến” và đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện xét tặng Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

Điều 22. Tuyển trình khen thưởng

1. Tuyển trình khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Đơn vị, địa phương nào chủ trì phát động thi đua theo chuyên đề, khi sơ kết, tổng kết sử dụng hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền, trường hợp đặc biệt tiêu biểu xuất sắc mới đề nghị cấp trên khen thưởng.

3. Tập thể, cá nhân ngoài tỉnh, người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài có thành tích đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh liên quan đến sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương nào thì Thủ trưởng sở, ban, ngành,

đoàn thể, địa phương đó quyết định khen thưởng hoặc đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng.

Điều 23. Tổ chức trao tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng

1. Tổ chức trao tặng

a) Tổ chức trao tặng các danh hiệu, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước: Khi có Quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ thì các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương có tập thể, cá nhân được khen thưởng phối hợp với Sở Nội vụ để có kế hoạch, hướng dẫn tổ chức trao thưởng hoặc trao thưởng tại các Hội nghị của tỉnh;

b) Tổ chức trao tặng các danh hiệu, hình thức khen thưởng cấp tỉnh: Cơ quan, đơn vị có kế hoạch tổ chức trao trong Hội nghị Sơ kết, Tổng kết Chuyên đề hay Tổng kết năm hoặc kết hợp trao thưởng vào dịp thích hợp (trước khi tổ chức phải thông báo đến Sở Nội vụ để được hướng dẫn);

c) Đối với các trường hợp được khen thưởng đột xuất Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc khen thưởng đột xuất cấp Nhà nước, giao Sở Nội vụ phối hợp với đơn vị đề nghị khen thưởng tổ chức trao tặng trực tiếp;

d) Không tổ chức đón rước các hình thức khen thưởng từ cấp này, địa điểm này đến cấp khác, địa điểm khác. Mỗi trường hợp được khen thưởng chỉ trao tặng và đón nhận một lần ở một cấp xét thấy có tác dụng giáo dục nêu gương tốt nhất.

2. Việc công bố Quyết định khen thưởng và điều hành trao thưởng thực hiện như sau

a) Sở Nội vụ công bố Quyết định và điều hành trao thưởng tại Đại hội Thi đua yêu nước của tỉnh, Hội nghị Tổng kết công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh hàng năm, các Hội nghị có kết hợp tổ chức trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước và các trường hợp khác khi có chỉ đạo của Lãnh đạo tỉnh bằng văn bản;

b) Việc công bố Quyết định và điều hành trao thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của tỉnh: Cấp, ngành nào đề nghị khen thưởng thì đại diện Lãnh đạo cấp đó, ngành đó hoặc Ban Tổ chức Hội nghị công bố Quyết định và điều hành trao thưởng.

3. Nghi thức trao tặng và tổ chức đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ Quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón tiếp khách nước ngoài.

4. Việc trao tặng phải được tổ chức trang trọng (có sử dụng nhạc nền), thiết thực, hiệu quả và tiết kiệm, tạo sự phấn khởi, lòng tự hào, khí thế mới để tiếp tục

thi đua lập thành tích cao hơn; các cá nhân trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp tỉnh phải đúng thẩm quyền.

Điều 24. Thủ tục, hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Thủ tục hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 50 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và quy định của Bộ Nội vụ, UBND tỉnh về bộ thủ tục hành chính áp dụng trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng.

2. Căn cứ tiêu chuẩn của các loại danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, các hồ sơ đề nghị khen thưởng phải đảm bảo số lượng, đầy đủ các thủ tục liên quan và chứng minh đạt được tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định. Để kiểm tra tính xác thực của hồ sơ, báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng, khi cần thiết, cơ quan chuyên môn về thi đua, khen thưởng đi cơ sở để thẩm định thành tích hoặc yêu cầu đơn vị trình khen cung cấp các văn bản chứng minh theo tiêu chuẩn quy định.

3. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị được khen thưởng phải phù hợp với hình thức, mức hạng khen thưởng theo quy định. Nội dung báo cáo thành tích phải bám sát tiêu chuẩn khen thưởng và thực hiện theo mẫu quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP; báo cáo thành tích có từ 02 trang giấy trở lên phải đóng dấu giáp lai của cấp trình khen thưởng.

Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng tính đến thời điểm Cơ quan cấp tỉnh, các địa phương trình UBND tỉnh trước 30 ngày; nếu quá thời hạn trên, Cơ quan cấp tỉnh, địa phương phải bổ sung thành tích của tập thể, cá nhân.

4. Đối với thủ tục, hồ sơ đơn giản (khen thưởng đột xuất)

Các trường hợp xét khen thưởng theo thủ tục đơn giản được thực hiện theo quy định tại Điều 85 của Luật Thi đua, khen thưởng sửa đổi, bổ sung. Thủ trưởng các Cơ quan cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã; các doanh nghiệp, Hợp Tác xã, Quỹ Tín dụng nhân dân xét, khen thưởng và đề nghị khen thưởng ngay sau khi cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc đột xuất.

5. Việc đề nghị công nhận Danh hiệu “Cờ Thi đua của Chính phủ” và Danh hiệu Cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua” của UBND tỉnh thực hiện chung một Tờ trình.

Điều 25. Thời gian trình hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng

1. Tờ trình đề nghị khen thưởng phải gửi về Sở Nội vụ trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày cấp có thẩm quyền ký Tờ trình. Quá thời hạn trên, Cơ quan cấp tỉnh, các địa phương phải thực hiện lại bộ hồ sơ đề nghị khen thưởng.

2. Khen thưởng thành tích đột xuất và khen thưởng theo chuyên đề (theo đợt): các ngày làm việc trong tuần.

3. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được

a) Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ quyết định, trao tặng

Cờ Thi đua Chính phủ phải hoàn chỉnh hồ sơ gửi trước ngày 01 tháng 3 hằng năm;

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”: Sau khi có quyết định công nhận đạt Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” lần thứ 2 liên tục phải hoàn chỉnh hồ sơ gửi trước ngày 30 tháng 4 năm sau;

Hồ sơ đề nghị từ mức Bằng khen Thủ tướng Chính phủ trở lên phải hoàn chỉnh hồ sơ và gửi trước ngày 30 tháng 4 hằng năm;

b) Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, trao tặng phải hoàn chỉnh hồ sơ gửi trước ngày 01 tháng 3 hằng năm;

c) Riêng ngành Giáo dục và Đào tạo hoàn tất hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng thành tích năm học gửi trước ngày 15 tháng 8 và hồ sơ đề nghị Chính phủ khen thưởng gửi trước ngày 01 tháng 9 hằng năm.

Điều 26. Thời gian thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng, thời gian thông báo kết quả khen thưởng

1. Khen thưởng thành tích đột xuất

Chậm nhất trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ, lập thủ tục trình Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Khen thưởng theo công trạng, thành tích đạt được và theo chuyên đề (hoặc theo đợt)

a) Để kịp trao thưởng cho các tập thể, cá nhân tại Hội nghị Tổng kết năm, Tổng kết một chuyên đề hoặc ngày Truyền thống, Lễ Kỷ niệm của đơn vị, địa phương thì phải gửi đầy đủ hồ sơ đề nghị khen thưởng đến Trung tâm Hành chính công tỉnh trước 10 ngày làm việc;

b) Chậm nhất trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ, lập thủ tục trình Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Hồ sơ đề nghị khen thưởng có số lượng nhiều

Hồ sơ đề nghị khen thưởng có số lượng đề nghị khen thưởng từ 100 tập thể, cá nhân trở lên: Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ, lập thủ tục trình Chủ tịch UBND tỉnh chậm nhất 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

4. Thời gian thông báo kết quả xét khen thưởng

a) Sau khi nhận được quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Nội vụ sẽ thông báo kết quả khen thưởng đến cơ quan, đơn vị, địa phương trình khen thưởng;

b) Sau khi nhận được Quyết định khen thưởng của Chủ tịch UBND tỉnh, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Nội vụ gửi kết quả khen thưởng đến Trung tâm Hành chính công tỉnh để trao trả cho các cơ quan, đơn vị, địa phương đề nghị khen thưởng;

c) Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ theo quy định, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Sở Nội vụ thông báo bằng văn bản cho cơ quan, đơn vị, địa phương trình khen thưởng, đồng thời gửi Trung tâm Hành chính công tỉnh để trả hồ sơ.

Điều 27. Quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương để thuận tiện cho việc tra cứu, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo hoặc xác nhận khen thưởng khi đối tượng yêu cầu.

2. Công tác lưu trữ, bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Chương VI

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG CÁC CẤP, HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG SÁNG KIẾN

Điều 28. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thành lập theo quy định tại Điều 63 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập và ban hành Quy chế hoạt động.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh là cơ quan tham mưu, tư vấn cho Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh; nhiệm vụ, quyền hạn và thành phần của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện theo Điều 63 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Ban Thi đua - Khen thưởng là Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, có nhiệm vụ tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổ chức, kiểm tra, giám sát việc triển khai, thực hiện phong trào thi đua và chính sách khen thưởng theo quy định.

4. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng

a) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và biểu quyết theo tỷ lệ quy định. Trường hợp ý kiến các Thành viên Hội đồng ngang nhau thì ý kiến quyết định là của Chủ tịch Hội đồng;

b) Các cuộc họp của Hội đồng được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số Thành viên của Hội đồng tham dự. Trường hợp vắng mặt, Thành viên Hội đồng phải được Chủ tịch Hội đồng đồng ý và gửi lại phiếu biểu quyết.

Điều 29. Cơ cấu Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các Cơ quan cấp tỉnh gồm

- a) Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng Cơ quan cấp tỉnh;
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng gồm: Cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức và Chủ tịch Công đoàn cùng cấp;
- c) Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quyết định thành phần, số lượng các ủy viên và nhiệm vụ, quyền hạn, quy chế làm việc của Hội đồng.
- d) Bộ phận kiêm nhiệm làm công tác thi đua, khen thưởng của các Cơ quan cấp tỉnh là Văn phòng hoặc Phòng Hành chính hoặc Phòng trực thuộc khác do Chủ tịch Hội đồng phân công.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của các Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Quỹ Tín dụng nhân dân gồm

- a) Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Quỹ Tín dụng nhân dân;
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng gồm: Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc và Chủ tịch Công đoàn của Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Quỹ Tín dụng nhân dân;
- c) Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quyết định thành phần, số lượng các ủy viên và nhiệm vụ, quyền hạn, quy chế làm việc của Hội đồng;
- d) Bộ phận kiêm nhiệm làm công tác thi đua, khen thưởng của các Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Quỹ Tín dụng nhân dân do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện gồm

- a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch UBND cấp huyện;
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng gồm: Lãnh đạo Phòng Nội vụ là Phó Chủ tịch Thường trực; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp;
- c) Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quyết định thành phần, số lượng các ủy viên và nhiệm vụ, quyền hạn, quy chế làm việc của Hội đồng;
- d) Phòng Nội vụ là Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã do Chủ tịch UBND cấp huyện hướng dẫn thành lập.

5. Giao Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc tổ chức, hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp.

Điều 30. Hội đồng Đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến

1. Hội đồng Đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có thẩm quyền công nhận Danh hiệu "Chiến sĩ

thi đua cơ sở”, Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” quyết định thành lập và ban hành Quy chế hoạt động.

2. Thành phần Hội đồng gồm những thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến và các thành viên khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

3. Hội đồng Đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến có nhiệm vụ giúp người đứng đầu công nhận mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, được ứng dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả để làm căn cứ đề nghị xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

Điều 31. Công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Việc đánh giá, công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng do Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương xem xét, công nhận trên cơ sở xét, đánh giá của Hội đồng Đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến cùng cấp.

2. Đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua các cấp và khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng là đề tài khoa học đã được nghiệm thu ở mức đạt trở lên, được áp dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả cao, đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, quyết định.

Đối tượng được công nhận có đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng là Chủ nhiệm Đề tài và người trực tiếp tham gia nghiên cứu đề tài.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương căn cứ phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để xét, tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng. Phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng ở cấp cơ sở thì xét, tặng Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

4. Căn cứ quy định về đối tượng, tiêu chuẩn, thành tích đạt được và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Chương VII

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 32. Tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng điển hình tiên tiến

1. Hằng năm, Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo, tổ chức triển khai những nội dung sau

a) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền tư tưởng Thi đua ái quốc của Chủ tịch Hồ Chí Minh; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng;

b) Xây dựng kế hoạch tổ chức tuyên truyền nhân rộng những điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phong trào thi đua để biểu dương, tôn vinh, khen thưởng kịp thời.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh phối hợp với các Cơ quan thông tin truyền thông đẩy mạnh công tác tuyên truyền tư tưởng Thi đua ái quốc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng, các gương điển hình tiên tiến.

Điều 33. Kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng

1. Sở Nội vụ có trách nhiệm

a) Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn toàn tỉnh và tổ chức thực hiện;

b) Tham mưu Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổ chức giám sát công tác thi đua, khen thưởng trên phạm vi toàn tỉnh;

c) Thực hiện thanh tra công tác thi đua, khen thưởng theo thẩm quyền.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng tại cơ quan, đơn vị, địa phương do mình quản lý.

3. Khối trưởng các Khối Thi đua có trách nhiệm kiểm tra phong trào thi đua của Khối theo giao ước thi đua, quy chế hoạt động đã ký kết.

Điều 34. Trách nhiệm trong việc kê khai và xác nhận thành tích

1. Tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc kê khai, báo cáo thành tích đề nghị các cấp xét khen thưởng.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương: Chịu trách nhiệm kiểm tra, thẩm định tính chính xác của hồ sơ đề nghị xét khen thưởng cho tập thể, cá nhân của cơ quan, đơn vị, địa phương mình trước khi đề nghị cấp trên khen thưởng.

Điều 35. Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ

1. Sở Nội vụ

a) Hàng năm, tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch về nội dung chương trình tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về thi đua, khen thưởng cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng trong phạm vi toàn tỉnh;

b) Chủ trì hoặc phối hợp với các Cơ quan cấp tỉnh, UBND cấp huyện tổ chức các Hội nghị tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về thi đua, khen thưởng.

2. Cơ quan chuyên trách công tác thi đua, khen thưởng

a) Xây dựng kế hoạch và nội dung chương trình để tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền quản lý;

b) Cử cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền quản lý tham gia đầy đủ các Hội nghị tập huấn nghiệp vụ do tỉnh triệu tập.

Điều 36. Hiệp y khen thưởng

1. UBND tỉnh hiệp y khen thưởng đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước khi có văn bản đề nghị của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương hoặc văn bản đề nghị của các bộ, ban, ngành, tổ chức hội, đoàn thể Trung ương.

Ủy quyền cho Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét, hiệp y khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc tỉnh quản lý (Cờ Thi đua, Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tổ chức hội, đoàn thể Trung ương) khi có văn bản đề nghị của bộ, ban, ngành, tổ chức hội, đoàn thể Trung ương hoặc các sở, ban, ngành, tổ chức hội, đoàn thể tỉnh.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo hiệp y danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với các cơ sở giáo dục khi có văn bản đề nghị của Sở Nội vụ.

3. UBND cấp huyện: Có ý kiến hiệp y về việc chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với các tập thể, cá nhân thuộc các trường học và các cơ sở giáo dục trên địa bàn và có ý kiến hiệp y đối với các đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn (do các sở, ban, ngành trình khen thưởng) khi có đề nghị của Sở Nội vụ hoặc các sở, ban, ngành tỉnh.

4. Sở Nội vụ thực hiện việc lấy ý kiến hiệp y khen thưởng của các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương đối với các trường hợp trình đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng khi cần thiết.

a) Việc khen thưởng tập thể, cá nhân người nước ngoài hoặc có yếu tố nước ngoài, Sở Nội vụ phải lấy ý kiến Sở Ngoại vụ, Công an tỉnh trước khi tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh;

b) Việc khen thưởng tập thể, cá nhân có yếu tố tôn giáo phải có ý kiến của cơ quan quản lý Nhà nước về tôn giáo cấp tỉnh và Công an tỉnh trước khi tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh.

5. Khi có văn bản xin ý kiến của Sở Nội vụ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị (tính theo dấu bưu điện, hòm thư điện tử công vụ hoặc phần mềm xử lý văn bản), đơn vị được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Sau 10 ngày làm việc, nếu không có ý kiến trả lời được xem như đồng ý, Sở Nội vụ tiến hành các bước tiếp theo trong quy trình xét khen thưởng; Thủ trưởng đơn vị được xin ý kiến hiệp y chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung được xin ý kiến.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 37. Tổ chức thực hiện

1. Các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu để áp dụng trong Quy chế được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản mới thì được dẫn chiếu áp dụng theo các văn bản mới.

2. Các Cơ quan cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các Khối Thi đua có trách nhiệm

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc quy chế này. Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng sửa đổi, bổ sung, các văn bản hướng dẫn thi hành và quy chế này để xây dựng hướng dẫn thi đua, khen thưởng cho phù hợp với đặc thù của cơ quan, đơn vị, địa phương;

b) Chủ động phát hiện, bình xét, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất hoặc làm thủ tục đề nghị UBND tỉnh khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu;

c) Hằng năm có trách nhiệm xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng, nâng cao vai trò quản lý Nhà nước về thi đua, khen thưởng.

3. Sở Nội vụ có trách nhiệm

a) Tham mưu Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh ban hành

Hướng dẫn thực hiện Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Hướng dẫn tổ chức, hoạt động và bình xét thi đua, đề nghị khen thưởng của các Khối Thi đua trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Kế hoạch giám sát các Khối Thi đua, cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp, trường học về việc thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng theo quy định.

Văn bản quy định các chức danh có thẩm quyền trong trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp tỉnh.

b) Kiểm tra, giám sát hoạt động của các Khối Thi đua;

c) Hằng năm, ban hành hướng dẫn định hướng hoạt động cho các Khối Thi đua, trọng tâm là triển khai các hoạt động cụ thể trong các phong trào thi đua của Trung ương, của tỉnh phát động, hưởng ứng kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm;

d) Thường xuyên thanh tra, kiểm tra, đôn đốc các Khối Thi đua, các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện nghiêm túc quy định này;

đ) Thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng của các Khối Thi đua, các cơ quan, đơn vị, địa phương, gồm: Hồ sơ, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định và trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định. Khi cần thiết, cử công chức kiểm tra, thẩm định thành tích thực tế;

e) Kịp thời phát hiện, thẩm định, đề xuất các cấp có thẩm quyền khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất (theo thủ tục đơn giản);

f) Phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Nhà báo tỉnh, Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh, các đoàn thể chính trị - xã hội và các cơ quan thông tin, báo, đài, công thông tin điện tử tổ chức thông tin tuyên truyền, giới thiệu, biểu dương những nhân tố tích cực, những gương người tốt, việc tốt tiêu biểu, những điển hình tiêu biểu trong các phong trào thi đua, phong trào hành động cách mạng của quần chúng và các trường hợp được khen thưởng;

g) Hằng năm tham mưu xây dựng kế hoạch về nội dung chương trình bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về thi đua, khen thưởng cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng trong phạm vi toàn tỉnh.

4. Các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh căn cứ hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương và vận dụng Quy chế này để thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng, tổ chức xây dựng các phong trào thi đua, nhân điển hình tiên tiến ở cơ quan, đơn vị mình.

5. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh định kỳ 06 tháng, năm kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Quy chế này, đề xuất các biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua trong từng năm và từng giai đoạn trên địa bàn tỉnh.

Các Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá kết quả tổ chức, triển khai nội dung Quy chế này tại các Khối Thi đua, các cơ quan, đơn vị, địa phương được phân công theo dõi, phụ trách (Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh được phân công phụ trách Khối Thi đua nào thì theo dõi, chỉ đạo công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị thành viên thuộc Khối Thi đua đó).

Điều 38. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế này, nếu có những vấn đề phát sinh, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp, trường học kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ bằng văn bản.

2. Sở Nội vụ tổng hợp, lấy ý kiến các Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan, báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn phong trào thi đua, công tác khen thưởng của tỉnh./.